



měi wèi

美味

Noun · delicious

Example Sentences

mǔ lì shì hǎi xiān zhōng de měi wèi
牡蛎是海鲜中的美味。

Oysters are delicious seafood

zhè dào cài de měi wèi ràng wǒ nán yǐ wàng huái
这道菜的美味让我难以忘怀。

The deliciousness of this dish is unforgettable to me.

mā ma zuò le měi wèi de shuǐ jiǎo
妈妈做了美味的水饺。

Mom made delicious boiled dumplings

Trace each character, then write the word on your own.

美	美	美	美	美	美	美	美	美	美	美
美										
味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味